

Số: 41/BC-CCTK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ I NĂM 2025

Kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định mặc dù phải đối mặt với những thách thức từ bất ổn chính trị, chính sách bảo hộ thương mại và lãi suất đang duy trì mức cao. Tuy nhiên, mức tăng trưởng chậm lại so với năm 2024 đặc biệt tại các nước phát triển, bên cạnh những thách thức lớn vẫn tồn tại, căng thẳng địa chính trị gây ra rủi ro ngắn hạn và triển vọng tăng trưởng trung hạn còn yếu.

Kinh tế trong nước đón nhận nhiều tín hiệu tích cực được thúc đẩy bởi cam kết của Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng cùng các động lực mạnh mẽ đến từ tăng trưởng tín dụng, dòng vốn FDI liên tục tăng, sự phục hồi tiêu dùng trong nước và đặc biệt quyết tâm đầu tư công vào hạ tầng giao thông quan trọng không chỉ tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế mà tạo niềm tin cho các ngành kinh tế khác. Bên cạnh đó, sự phục hồi của thị trường bất động sản nhờ giải phóng nhanh các mặt bằng các dự án sẽ thúc đẩy nhu cầu trong nước tăng. Tuy nhiên, cuộc chiến thuế quan có khả năng làm căng thẳng và gián đoạn thương mại toàn cầu ảnh hưởng đến các quốc gia có độ mở thương mại cao như Việt Nam¹.

Kinh tế Thành phố không chỉ phục hồi sau giai đoạn khó khăn của Đại dịch Covid-19 mà đang từng bước chuyển đổi mô hình kinh tế trên cơ sở duy trì các động lực truyền thống, đồng thời phát huy các động lực mới để tái cấu trúc kinh tế Thành phố theo hướng hiện đại, bền vững và có sức cạnh tranh cao. Tiêu dùng trong nước tiếp tục tăng trưởng ổn định được thúc đẩy bởi thu nhập người dân và du khách không ngừng tăng lên, qua đó tạo dư địa cho sản xuất công nghiệp. Bên cạnh tín dụng tăng trưởng tích cực, hạ tầng giao thông được cải thiện và dẫn đầu

¹ Ngày 12/3/2025, Ngân hàng Thế giới dự báo GDP Việt nam năm 2025 tăng 6,8% thấp hơn mức 7,09% năm 2024 và xuất khẩu tăng 12% (năm 2024 xuất khẩu tăng 14%).

UOB dự báo GDP năm 2025 tăng 7% và quý I tăng 6,5% (cao nhất trong nhóm ASEAN-6).

về thu hút FDI. Chính quyền Thành phố đã triển khai quyết liệt các giải pháp góp phần từng bước tháo gỡ những khó khăn, điểm nghẽn của các ngành, lĩnh vực, giảm thiểu các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công và thúc đẩy chuyển đổi số. Với sự nỗ lực cao của cả hệ thống chính trị, cùng sự đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, kinh tế Thành phố trong quý I năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua, tạo tiền đề tích cực cho tăng trưởng các quý tiếp theo trong năm 2025.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP) quý I năm 2025 ước đạt 457.617 tỷ đồng (theo giá hiện hành) và đạt 291.816 tỷ đồng theo giá so sánh năm 2010, tăng 7,51% so với cùng kỳ, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ kể từ năm 2020 đến nay (Quý I năm 2020 tăng 0,42%, quý I năm 2021 tăng 4,58%, quý I năm 2022 tăng 1,88%, quý I năm 2023 tăng 0,7% và quý I năm 2024 tăng 6,54%).

**Hình 01. Tốc độ tăng GRDP Thành phố
Quý I các năm 2020-2025 (%)**



Trong đó, tăng trưởng các ngành cụ thể như sau:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,27%, đây là mức tăng khiêm tốn nhưng thể hiện sự nỗ lực của ngành Nông nghiệp trong bối cảnh diện tích trồng trọt và chăn nuôi suy giảm nhanh bởi quá trình đô thị hóa.

Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 5,94%, đóng góp 17,4% vào mức tăng GRDP. Trong đó, công nghiệp tăng 5,80%, chiếm 17,7% GRDP nhưng đóng góp 15,1% vào mức tăng GRDP, thấp hơn 2,6 điểm phần trăm so với tỷ trọng. Riêng công nghiệp chế biến, chế tạo là trụ cột của ngành công nghiệp khi chiếm 88,6% giá trị gia tăng toàn ngành công nghiệp nhưng chỉ tăng 5,79%, thấp hơn mức tăng

toàn ngành công nghiệp. Điều này cho thấy đóng góp tích cực của ngành công nghiệp vào tăng trưởng kinh tế Thành phố, tuy nhiên tốc độ phục hồi còn chậm chưa có bứt phá như kỳ vọng.

Hoạt động xây dựng tăng 7%, chiếm 2,4% GRDP, đóng góp 2,3% vào mức tăng GRDP. Công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố không đạt mục tiêu đặt ra đã ảnh hưởng đáng kể tăng trưởng ngành xây dựng và cộng hưởng các ngành kinh tế khác qua đó chưa đóng góp đủ mạnh vào mức tăng trưởng kinh tế Thành phố.

Khu vực dịch vụ vẫn là động lực tăng trưởng chính của kinh tế Thành phố khi tăng 8,72%, chiếm 66,5% GRDP nhưng đóng góp 74,7% vào mức tăng GRDP. Riêng 09 ngành dịch vụ chủ yếu của Thành phố tăng 8,62%, chiếm 61% GRDP, đóng góp 67,8% mức tăng GRDP. Trong đó:

Hoạt động thương mại điện tử tăng trưởng tích cực góp phần thúc đẩy dịch vụ logistic với mức tăng trưởng cao nhất 13,97%, đóng góp đến 22,5% vào mức tăng GRDP (tỷ trọng chỉ chiếm 12,2% GRDP).

Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 11,21%, đóng góp 1,6% vào mức tăng GRDP. Đây là mức tăng cao thứ hai sau ngành vận tải được hỗ trợ tích cực từ sự phục hồi ngành du lịch Thành phố và thu nhập người dân ngày càng được cải thiện.

Các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, nâng cấp hạ tầng giao thông viễn thông trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy ngành thông tin và truyền thông tăng 9,05%, đóng góp 7,5% vào mức tăng GRDP.

Cùng với đà phục hồi của kinh tế Thành phố, nỗ lực đẩy nhanh giải phóng mặt bằng của các dự án giao thông đã góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 8,47%, đóng góp 3,7% vào mức tăng GRDP.

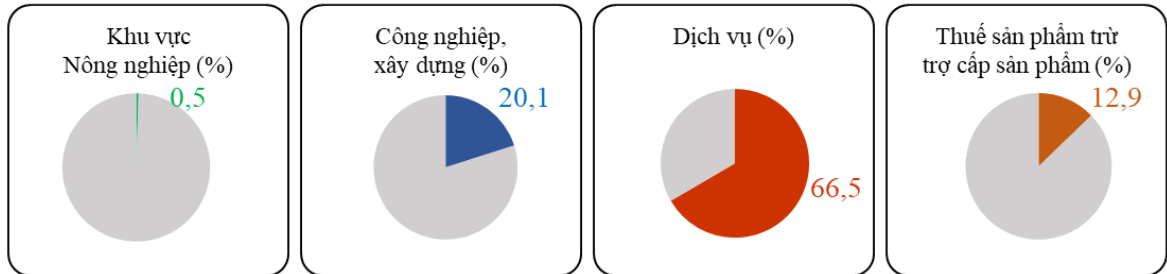
Ngành thương mại tăng 6,8%, đóng góp 15,5% vào mức tăng GRDP, thấp hơn mức tăng toàn khu vực dịch vụ do hoạt động bán lẻ chỉ tăng 5,17% ngược lại bán buôn có mức tăng 8,11%, khi bán buôn tăng sẽ là động lực hỗ trợ tăng trưởng các ngành sản xuất trong các tháng tiếp theo.

Hoạt động tài chính tăng 6,39%, đóng góp 7,8% vào mức tăng GRDP. Trong đó, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế dần cải thiện khi dư nợ tín dụng tăng trưởng tích cực và ngân hàng Nhà nước đã thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho doanh nghiệp Thành phố.

Ngoài ra hoạt động giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng trưởng ổn định với mức tăng 7,95%, đóng góp 2,8% vào mức tăng GRDP; Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội tăng 6,54%, đóng góp 2% vào mức tăng GRDP.

Cơ cấu kinh tế Thành phố quý I năm 2025 tiếp tục duy trì theo hướng hiện đại: Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 20,1%; dịch vụ chiếm 66,5% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,9%.

Hình 02. Cơ cấu GRDP Thành phố quý I năm 2025 (%)



2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục áp dụng công nghệ cao, chuyển đổi mô hình sản xuất, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học, phát triển các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

2.1. Nông nghiệp

2.1.1. Trồng trọt

Tính đến ngày 20/3/2025, diện tích gieo trồng cây lúa vụ Đông xuân đạt 4.367 ha tăng 2,6% so với cùng kỳ, trong đó tập trung chủ yếu tại huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn.

Diện tích trồng ngô (bắp) đạt 353,0 ha, tăng 0,8% so với cùng kỳ; diện tích trồng khoai lang đạt 4,3 ha, tăng 1,4%; diện tích trồng lạc (đậu phộng) đạt 1,8 ha, giảm 1,1%; diện tích trồng rau, đậu các loại đạt 2.321,3 ha, tăng 0,7%.

Tình hình sinh vật gây hại: Trong quý I năm 2025, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 2.423,3 ha, giảm 7,3% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 1.493,6 ha, tăng 5,2%. Diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trừ 3.860,6 lượt ha. Các sinh vật gây hại có mật độ và tỷ lệ bệnh ở mức nhẹ, chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, ruồi vàng đục trái, rầy xám, ốc bươu vàng, chuột, bệnh gỉ trắng, bệnh thối nhũn, bệnh đạo ôn và đốm vằn.

2.1.2. Chăn nuôi

Tổng đàn chăn nuôi trên địa bàn Thành phố tiếp tục có xu hướng giảm do quá trình đô thị hóa, chủ trương kiểm soát, xử lý môi trường trong chăn nuôi. Tính đến tháng 3 năm 2025, đàn trâu có 1.696 con, giảm 34,0% so với cùng kỳ; đàn bò có 69.125 con, giảm 16,8%, riêng đàn bò sữa có 49.650 con, giảm 12,3%; đàn lợn

(heo) thịt có 154.587 con, giảm 6,4%; đàn gia cầm có 315 nghìn con, giảm 8,2%, riêng đàn gà có 292 nghìn con, giảm 9,9%.

2.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản lượng gỗ khai thác trong tháng 3 năm 2025 ước đạt 500 m³, số cây trồng phân tán ước tính là 25,5 nghìn cây, phát sinh 01 vụ vi phạm hành chính. Tính chung quý I năm 2025, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 888 m³, số cây trồng phân tán ước đạt 66 nghìn cây, có phát sinh 02 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Tổng sản lượng thủy sản quý I năm 2025 ước đạt 15.222,7 tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá chiếm 23,1%, tăng 0,8% so với cùng kỳ; sản lượng tôm chiếm 24,0%, tăng 4,7%; sản lượng thủy sản khác chiếm 52,8%, tăng 5,7%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 12.082,8 tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá chiếm 15,5%, tăng 3,1% so với cùng kỳ; sản lượng tôm chiếm 26,1%, tăng 5,2%; sản lượng thủy sản khác chiếm 58,3%, tăng 6,8%.

Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.139,9 tấn, giảm 1,3% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá chiếm 52,4%, giảm 1,7% so với cùng kỳ; sản lượng tôm chiếm 16,0% tăng 1,6%; sản lượng thủy sản khác chiếm 31,6%, giảm 2,0%.

Tình hình nuôi tôm tại huyện Cần Giờ (Tính đến ngày 20/3/2025)

Tôm sú: Hiện có 238 lượt hộ thả nuôi với 29,7 triệu con giống trên diện tích 3.240,2 ha, diện tích tăng 0,1% so với cùng kỳ và số lượng con giống tăng 2,6%.

Tôm thẻ chân trắng: Có 343 lượt hộ thả nuôi với 139,3 triệu con giống trên diện tích 277 ha, diện tích giảm 49,6% so với cùng kỳ và số lượng con giống giảm 12,1%. Trong đó, có 121 lượt hộ thả nuôi thâm canh với 71,9 triệu con giống trên diện tích 86,3 ha và 222 lượt hộ thả nuôi bán thâm canh với 67,4 triệu con giống trên diện tích 190,7 ha.

Trong tháng 3 năm 2025, có 03 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích gần 1,3 ha với số lượng con giống thiệt hại hơn 0,4 triệu con. Tính chung quý I năm 2025, có 06 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 3 ha với số con giống thiệt hại hơn 1,7 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 976 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

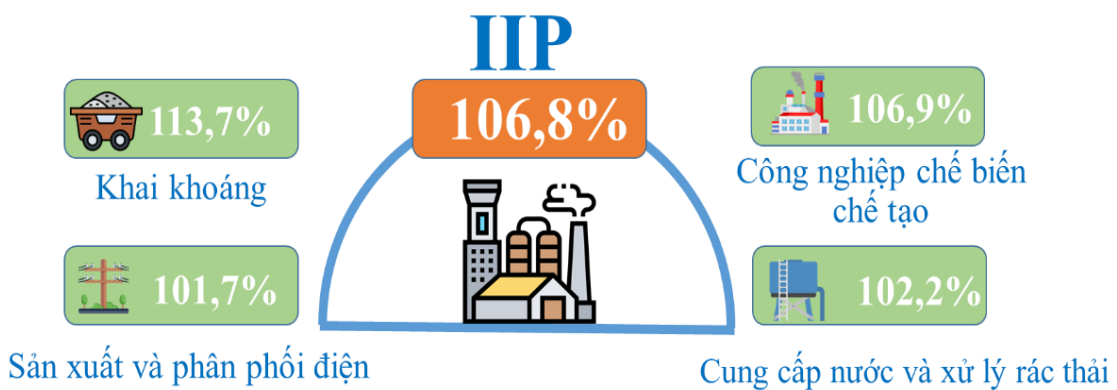
3. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố tiếp tục tăng trưởng tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3 năm 2025 ước tăng 13,1% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ, tính chung quý I năm 2025 ước tăng 6,8% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 3 năm 2025 ước tăng 13,1% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ. Bao gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,1% so với tháng trước và tăng 8,2% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 25,3% so với tháng trước và tăng 2,8% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 7,1% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2025, IIP trên địa bàn Thành phố tăng 6,8% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 1,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2,2%.

Hình 03. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2025 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 22/29 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2025 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: In, sao chép bản ghi các loại tăng 55,8%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 48,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,7%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 23,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 23,6%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 21,3%. Một số ngành có IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 41,6%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 26,8%; sản xuất đồ uống giảm 15,2%.

Biểu 01. Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu quý I so với cùng kỳ (%)

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số	100,1	99,1	105,0	106,8
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	277,7	96,3	133,9	113,7
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	99,5	98,9	104,8	106,9
3. Sản xuất và phân phối điện	103,9	103,2	111,7	101,7
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	100,8	105,4	99,7	102,2

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Một số ngành chủ yếu				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	104,6	98,1	102,9	108,1
2. Sản xuất đồ uống	95,9	130,4	102,5	84,8
3. Sản xuất trang phục	111,3	81,8	103,2	120,0
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	93,6	80,7	90,6	108,5
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	106,2	101,7	116,2	94,9
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	133,4	146,8	123,5	129,7
7. Sản phẩm từ khoáng kim loại	105,6	77,8	102,9	123,8
8. Sản xuất sản phẩm điện tử	85,1	86,1	92,2	118,4
9. Sản xuất thiết bị điện	103,6	99,8	108,6	123,6
10. Sản xuất xe có động cơ	101,4	123,0	59,6	102,3

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm tính chung quý I năm 2025 tăng 5,8% so với cùng kỳ, thấp hơn 1,0 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp. Chia ra: Ngành sản xuất hàng điện tử tăng 18,4%; ngành hóa dược tăng 13,8%; ngành chế biến lương thực, thực phẩm giảm 0,4%; ngành cơ khí giảm 2,3%.

Chỉ số sản xuất 3 ngành công nghiệp truyền thống tính chung quý I năm 2025 tăng 14,4% so với cùng kỳ. Chia ra: Ngành sản xuất trang phục tăng 20,0%; ngành dệt tăng 12,0%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 8,5%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu quý I năm 2025 tăng cao so với cùng kỳ như: Tivi tăng 37,1%; bao bì đóng gói bằng plastic tăng 33,1%; quần áo các loại (trừ quần áo thể thao) tăng 21,6%; xi măng tăng 13,7%; phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 13,6%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy rửa giảm 10,5%; sắt, thép các loại giảm 8,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3 năm 2025 ước tính tăng 14,3% so với tháng trước và tăng 13,2% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,2% so với cùng kỳ, trong đó, 14/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng và 09/23 ngành có chỉ số tiêu thụ giảm. Một số ngành tăng cao như: In, sao chép bản ghi các loại tăng 56,8%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 38,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 36,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 22,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 21,8%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3 năm 2025 ước tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 24,5% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 58,9%; sản phẩm thuốc lá tăng 57,1%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 44,1%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất xe có động cơ giảm 48,0%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 20,0%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 19,3%; dệt giảm 15,1%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp trong tháng 3 năm 2025 tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, chỉ số lao động tăng 2,2% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng cao như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 16,3%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 14,9%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 11,0%; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 10,6%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm mạnh như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 10,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 8,8%; sản xuất đồ uống giảm 8,7%.

4. Đầu tư và xây dựng

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 trên 10%², Thành phố đã xây dựng Kế hoạch huy động 620.000 tỷ đồng vốn đầu tư toàn xã hội, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công, tăng cường tháo gỡ điểm nghẽn của các dự án tồn đọng nhằm tạo động lực, kích thích các nguồn lực vốn khác tham gia phát triển kinh tế.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn Thành phố quý I năm 2025 ước thực hiện 83.139 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

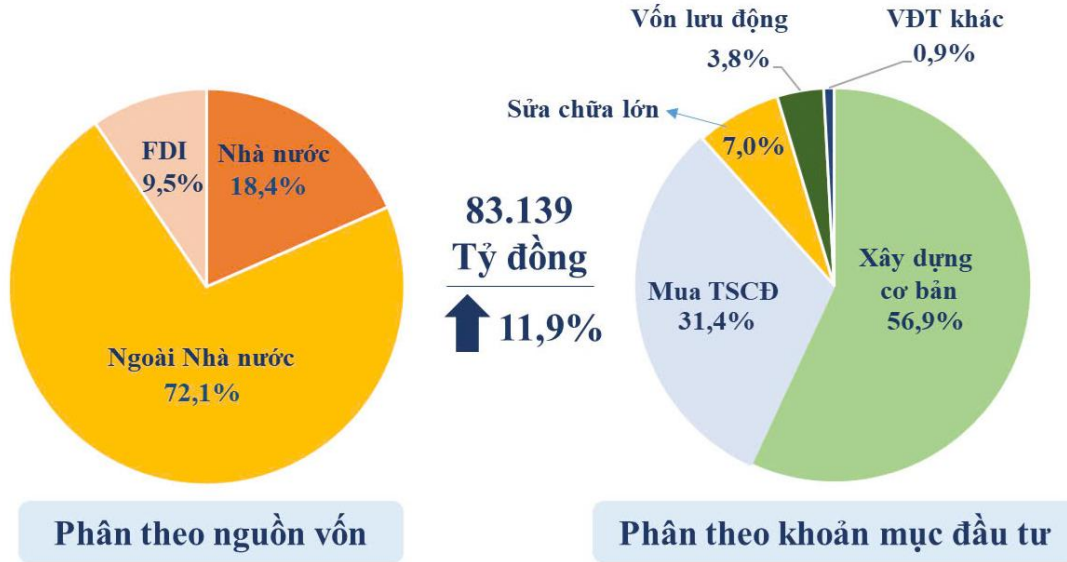
Phân theo nguồn vốn: Vốn Nhà nước ước đạt 15.283 tỷ đồng, chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn, tăng 10,9% so với cùng kỳ; vốn ngoài Nhà nước ước đạt 59.922 tỷ đồng, chiếm 72,1%, tăng 12%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7.934 tỷ đồng, chiếm 9,5%, tăng 13,6%.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 47.314 tỷ đồng, chiếm 56,9% tổng vốn đầu tư, tăng 10,9% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 26.150 tỷ đồng,

² Theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

chiếm 31,4%, tăng 13%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 5.803 tỷ đồng, chiếm 7%, tăng 14,4%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 3.164 tỷ đồng, chiếm 3,8%, tăng 15,3%; vốn đầu tư khác ước đạt 708 tỷ đồng, chiếm 0,9%, tăng 6,9%.

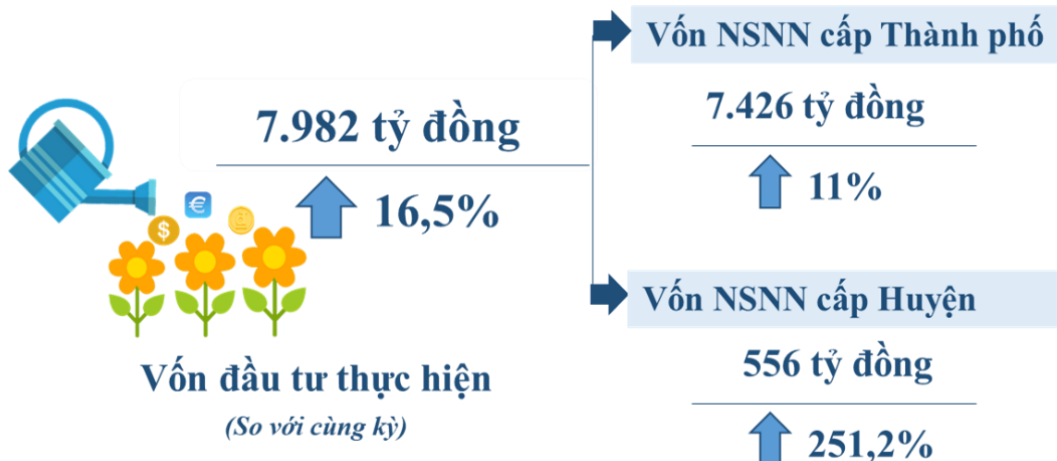
Hình 04. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn Thành phố quý I năm 2025



4.2. Vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do Thành phố quản lý tháng 3 năm 2025 ước thực hiện đạt 3.490 tỷ đồng, tăng 41,2% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 3.291 tỷ đồng, tăng 43,8% so với tháng trước và tăng 6,0% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện quản lý ước thực hiện 199 tỷ đồng, tăng 9,3% so với tháng trước và tăng 222,9% so với cùng kỳ (do vốn ngân sách cấp huyện năm 2025 gấp 9,9 lần so với năm 2024).

Hình 05. Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố quý I năm 2025



Tính chung quý I năm 2025, vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do Thành phố quản lý ước thực hiện đạt 7.982 tỷ đồng, đạt 9,5% Kế hoạch năm và tăng 16,5% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 7.426 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện quản lý ước thực hiện 556 tỷ đồng, tăng 251,2%.

Tính đến ngày 01/4/2025, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã giải ngân là 4.556,2 tỷ đồng, đạt 5,4% so với Kế hoạch vốn năm 2025³.

Năm 2025, Thành phố bố trí hơn 36.433 tỷ đồng vốn đầu tư công cho lĩnh vực giao thông, chiếm 43% Kế hoạch vốn đầu tư công.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm như sau:

Dự án nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) điều chỉnh tăng vốn từ 9.664 tỷ đồng lên 17.230 tỷ đồng với 03 gói thầu (Gói XL-01, gói XL-02, gói XL-03). Công tác giải phóng mặt bằng Gói thầu XL-03 đã đạt hơn 87,7% tại quận Bình Thạnh và 61,6% tại quận Gò Vấp; dự kiến mặt bằng được bàn giao 100% vào đầu tháng 4 năm 2025.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 2 (Bến Thành - Tham Lương) thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng cơ bản hoàn thành. Công tác di dời hạ tầng kỹ thuật tại 12 vị trí nhà ga với tiến độ chỉ đạt hơn 35% Kế hoạch. Tiến độ thi công dự án chưa đạt theo Kế hoạch đề ra do thi công trong điều kiện mặt bằng chật hẹp; xử lý giao cắt với các công trình ngầm hiện hữu ngoài thiết kế; phát sinh trường hợp các hộ dân có phần diện tích công trình nằm trong ranh dự án; thiếu sự thống nhất, phối hợp của các đơn vị trong quá trình thi công. Dự kiến giao mặt bằng sạch trong quý III năm 2025 và khởi công hạng mục chính vào tháng 12 năm 2025.

Dự án Thành phần 1 (đường Vành đai 3 Thành phố) khối lượng thi công đạt hơn 32% Kế hoạch. Dự án đang bước vào giai đoạn thi công cao điểm, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng thi công các gói thầu. Khối lượng thi công gói thầu XL3 (TP. Thủ Đức) đạt hơn 69%. Các gói thầu trên địa bàn huyện Củ Chi - Hóc Môn - Bình Chánh triển khai đúng tiến độ, đảm bảo thông xe kỹ thuật vào ngày 30/4/2026. Khó khăn lớn nhất của dự án là thiếu vật liệu cát xây dựng, do vậy lãnh đạo Thành phố yêu cầu các đơn vị nghiên cứu xây dựng cầu cạn bằng công nghệ mới ở những vùng đất yếu nhằm giảm lệ thuộc vào nguồn cát san lấp.

³ Nguồn Kho bạc Nhà nước khu vực 2.

Dự án nút giao An Phú có 03 tầng (06 cây cầu, 02 hầm chui và đường nối vào các tuyến đường trọng điểm) tiến độ đạt hơn 63% tổng khối lượng. Dự án đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hạng mục còn lại trong năm 2025, ngoại trừ 22.000m² (khu vực đường Lương Định Của) chưa được bàn giao mặt bằng. Trong đó, hầm chui HC1 (hướng Long Thành - Dầu Giây về Mai Chí Thọ) đã hoàn thành khoảng 80% khối lượng; các hạng mục còn lại như trạm bơm, những đôt hầm kín được gấp rút thi công được đẩy nhanh tiến độ và dự kiến sẽ đưa vào khai thác vào dịp 30/4/2025.

Dự án đường nối Trần Quốc Hoàn - Cộng Hòa có tiến độ chung đạt hơn 90% khối lượng. Dự án đã thông xe tại 02 điểm hầm chui Phan Thúc Duyệt và đoạn nối đường Thăng Long - 18E - Cộng Hòa (cửa ngõ sân bay Tân Sơn Nhất). Trong đó gói thầu mở rộng đường Hoàng Hoa Thám tiến độ đạt gần 90% khối lượng. Dự kiến toàn bộ dự án sẽ hoàn thành vào trước ngày 20/4/2025.

Dự án xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất với quy mô 1 tầng hầm, 4 tầng nổi, diện tích sàn 112.500 m², gồm 04 hạng mục chính: Nhà ga hành khách, nhà xe cao tầng kết hợp dịch vụ phi hàng không, hệ thống cầu cạn trước nhà ga và sân đỗ máy bay với tổng mức đầu tư 10.990 tỷ đồng. Tiến độ dự án đạt hơn 90% và dự kiến công trình sẽ hoàn thành sớm hơn 03 tháng so với Kế hoạch, sẵn sàng đưa Nhà ga vào vận hành, khai thác nhân dịp 30/4/2025.

4.3. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư⁴

Tính đến hết tháng 02 năm 2025, Thành phố đã cấp 2.864 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 cho các hộ dân cư với diện tích sàn 599,6 nghìn m², tăng 4,2% giấy phép (+116 giấy phép) và tăng 16% diện tích (+83 nghìn m²) so với cùng kỳ. Trong đó, cấp xây dựng mới 2.673 giấy phép với diện tích 578,5 nghìn m² và 191 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 21,1 nghìn m².

5. Hoạt động doanh nghiệp⁵

5.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố chưa có chuyển biến tích cực khi số doanh nghiệp tham gia vào thị trường giảm 20,8% và số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 10,4% so với cùng kỳ.

⁴ Nguồn Sở Xây dựng Thành phố.

⁵ Nguồn Sở Tài chính Thành phố.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 20/3/2025, Thành phố cấp phép 6.632 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 42.014 tỷ đồng, giảm 39,7% về giấy phép và giảm 55,2% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo loại hình doanh nghiệp, có 91,5% đăng ký thành lập mới là công ty TNHH; công ty cổ phần chiếm 7,8%; doanh nghiệp tư nhân chiếm 0,7%, cụ thể:

Công ty TNHH có 6.068 đơn vị với vốn đăng ký đạt 31.660 tỷ đồng; giảm 39,6% về cấp phép và giảm 58% về vốn so với cùng kỳ; Công ty cổ phần có 520 đơn vị với vốn đăng ký đạt 10.301 tỷ đồng, giảm 39,6% về cấp phép và giảm 44,4% về vốn; Doanh nghiệp tư nhân có 44 đơn vị với vốn đăng ký đạt 52 tỷ đồng, giảm 47,6% về cấp phép nhưng vốn tăng 58,2% về vốn.

Phân theo khu vực kinh tế, có đến 82,7% doanh nghiệp thành lập mới hoạt động ngành thương mại - dịch vụ, 17,1% doanh nghiệp ngành công nghiệp – xây dựng và 0,2% ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, cụ thể:

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có 15 đơn vị với vốn đăng ký đạt 421 tỷ đồng, giảm 40% về cấp phép nhưng vốn tăng 47,3% so với cùng kỳ.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành công nghiệp – xây dựng có 1.134 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 14.617 tỷ đồng, giảm 42,9% về cấp phép và giảm 19,7% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp có 683 doanh nghiệp và vốn đăng ký 2.811 tỷ đồng, giảm 39,7% về cấp phép và giảm 59,4% về vốn; ngành xây dựng có 451 doanh nghiệp và vốn đăng ký 11.807 tỷ đồng, giảm 47,1% về cấp phép nhưng tăng 4,6% về vốn.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành dịch vụ có 5.483 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 26.976 tỷ đồng, giảm 39% về cấp phép và giảm 64,2% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, ngành thương mại có 2.473 đơn vị và vốn đăng ký đạt 10.679,6 tỷ đồng, giảm 51,9% về cấp phép và giảm 66,6% về vốn; ngành khoa học, công nghệ có 693 đơn vị với vốn đăng ký đạt 5.149,7 tỷ đồng, giảm 29,1% về cấp phép và giảm 14,8% về vốn; ngành kinh doanh bất động sản có 205 đơn vị với vốn đăng ký đạt 5.866,7 tỷ đồng, giảm 23,5% về cấp phép và giảm 74,5% về vốn; ngành vận tải kho bãi có 290 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.130,8 tỷ đồng, giảm 41,3% về cấp phép và giảm 58,9% về vốn; ngành giáo dục và đào tạo có 644 đơn vị với vốn đăng ký đạt 711,6 tỷ đồng, tăng 133,3% về cấp phép và tăng 2,1% về vốn; ngành thông tin - truyền thông có 336 đơn vị với vốn đăng ký đạt 588 tỷ đồng, giảm 21,7% về cấp phép và giảm 62,2% về vốn.

5.2. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp

Điều tra xu hướng kinh doanh tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2025 khởi sắc hơn so với quý IV năm 2024. Trong đó, 20,8% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên; 46,3% giữ ổn định và 32,9% khó khăn hơn. Phân theo loại hình doanh nghiệp, 66,7% doanh nghiệp Nhà nước đánh giá hoạt động quý I năm 2025 tốt lên và giữ ổn định so với quý trước; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 67,3% và 66,9%.

Dự báo xu hướng kinh doanh quý II năm 2025: 43,1% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tốt lên; 39,4% giữ ổn định và 17,5% khó khăn hơn. Trong đó, có 81,0% doanh nghiệp Nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình kinh doanh trong quý II năm 2025, tỷ lệ này ở khu vực có vốn từ nước ngoài và ngoài Nhà nước tương ứng là 85,1% và 81,3%.

5.3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

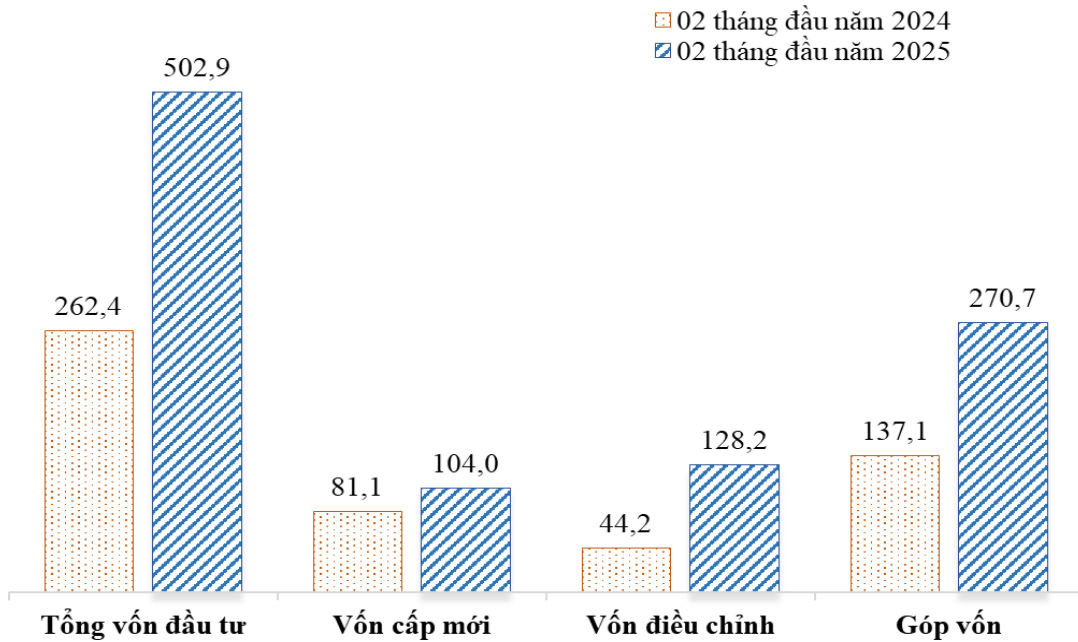
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố tháng 02 năm 2025 đạt 502,9 triệu USD, tăng 91,7% so với cùng kỳ, trong đó:

Cấp mới có 195 dự án, tăng 13,4% và vốn đăng ký đạt 104 triệu USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp với 08 dự án, vốn đăng ký là 48,4 triệu USD, chiếm 46,6% tổng vốn cấp phép mới; kể đến ngành thương mại với 107 dự án, vốn đăng ký là 35 triệu USD, chiếm 33,6%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống có 08 dự án, vốn đăng ký là 10,7 triệu USD, chiếm 10,2%. Hà Lan là quốc gia dẫn đầu về vốn đăng ký dự án cấp phép mới với 03 dự án, vốn đăng ký đạt 42,4 triệu USD, chiếm 40,8% tổng vốn cấp phép mới; tiếp đến Singapore với 29 dự án, vốn đăng ký đạt 18,9 triệu USD, chiếm 18,2%; Trung Quốc với 58 dự án, vốn đăng ký đạt 16,8 triệu USD, chiếm 16,2%; Nhật Bản với 16 dự án, vốn đăng ký đạt 14,7 triệu USD, chiếm 14,1%.

Điều chỉnh vốn đăng ký có 56 dự án, tăng 69,7% so với cùng kỳ và vốn điều chỉnh đạt 128,2 triệu USD, tăng 189,9%. Trong đó, ngành chuyên môn, khoa học công nghệ với 10 dự án, vốn điều chỉnh tăng 99,3 triệu USD, chiếm 77,5% tổng vốn đăng ký điều chỉnh; kể đến ngành thương mại với 27 dự án, vốn đăng ký 36,9 triệu USD, chiếm 28,8%; ngành công nghiệp có 04 dự án, vốn đăng ký 26,6 triệu USD, chiếm 20,7%. Singapore là quốc gia có số vốn điều chỉnh tăng cao nhất đạt 93,1 triệu USD, chiếm 72,7% tổng vốn điều chỉnh; tiếp đến là Italia đạt 29,4 triệu USD, chiếm 22,9%; Nhật Bản đạt 25,5 triệu USD, chiếm 19,9%.

Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp (gọi tắt là *góp vốn*) có 365 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với *góp vốn* đạt 270,7 triệu USD, tăng 97,5% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành chuyên môn, khoa học công nghệ đạt 144,2 triệu USD, chiếm 53,3% *vốn góp*; kể đến ngành Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 67,1 triệu USD, chiếm 24,8%; ngành thương mại đạt 32,8 triệu USD, chiếm 12,1%. BritishVirginIslands và Singapore là hai quốc gia có tỷ trọng *vốn góp* cao nhất lần lượt chiếm 55,2% và 23,2%.

Hình 06. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố
(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 28/02/2025, đơn vị tính: Triệu USD)



Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 28/02/2025, trên địa bàn Thành phố có 13.803 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn hơn 59,16 tỷ USD (Thành phố dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước); có 29.416 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục *góp vốn* của doanh nghiệp trong nước với *vốn góp* đăng ký tương đương 29,89 tỷ USD. Tính chung tổng vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, điều chỉnh vốn và *góp vốn* vào Thành phố đạt hơn 89,06 tỷ USD.

6. Tài chính, ngân hàng và chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố quý I năm 2025 ước thực hiện tăng 7,7% so với cùng kỳ, trong đó thu từ khu vực ngoài Nhà nước tăng 16,3% góp phần thu nội địa tăng 10,4%. Chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước tăng 9,5% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên tăng 32,6%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước quý I năm 2025 ước thực hiện 151.097 tỷ đồng, đạt 29,1% dự toán và tăng 7,7% so với cùng kỳ, cụ thể:

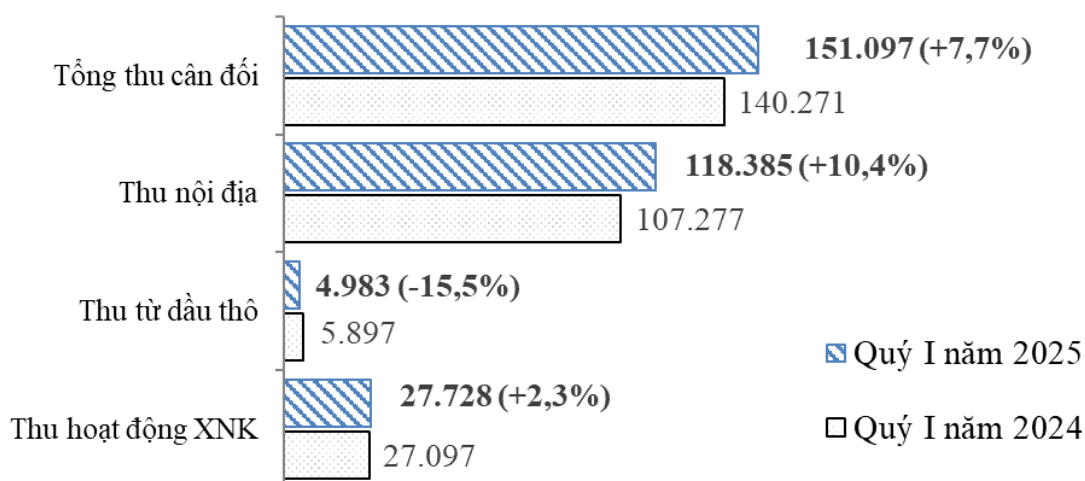
Thu nội địa ước thực hiện 118.385 tỷ đồng, đạt 31,9% dự toán, chiếm 78,3% tổng thu cân đối và tăng 10,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước ước thực hiện 10.112 tỷ đồng, đạt 31,3% dự toán, chiếm 6,7% tổng thu và tăng 0,1%; thu từ khu vực ngoài Nhà nước ước thực hiện 41.961 tỷ đồng, đạt 43,0% dự toán, chiếm 27,8% tổng thu và tăng 16,3%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 23.797 tỷ đồng, đạt 43,0% dự toán, chiếm 15,8% tổng thu và giảm 3,4%.

Thu dầu thô ước thực hiện 4.983 tỷ đồng, đạt 27,7% dự toán, chiếm 3,3% tổng thu cân đối và giảm 15,5%.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 27.728 tỷ đồng, đạt 21,3% dự toán, chiếm 18,4% tổng thu cân đối và tăng 2,3%.

Thu cân đối ngân sách địa phương quý I năm 2025, ước thực hiện 38.832 tỷ đồng, đạt 24,8% dự toán, chiếm 25,7% tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước và tăng 4,4% so với cùng kỳ.

Hình 07. Thu ngân sách Nhà nước quý I năm 2025
(Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)

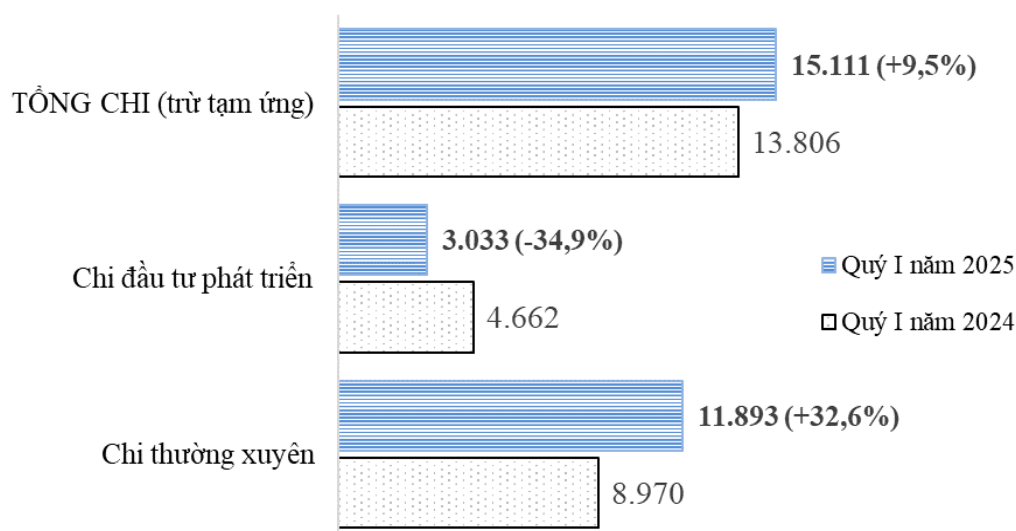


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) quý I năm 2025 ước thực hiện 15.111 tỷ đồng, đạt 8,7% dự toán và tăng 9,5% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 15.031 tỷ đồng, đạt 8,9% dự toán và tăng 9,3% so với cùng kỳ, cụ thể:

Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương ước thực hiện 3.033 tỷ đồng, đạt 3,7% dự toán, giảm 34,9%.

Chi thường xuyên ước thực hiện 11.893 tỷ đồng, đạt 14,7% dự toán và tăng 32,6%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 4.115 tỷ đồng, đạt 13,5% dự toán và tăng 27,6%; chi cho sự nghiệp y tế, dân số, gia đình ước thực hiện 432 tỷ đồng, đạt 6,1% dự toán và tăng 34,0%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 198 tỷ đồng, đạt 34,3% dự toán và tăng 113,0%.

Hình 08. Chi ngân sách Nhà nước quý I năm 2025
(Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



6.2. Ngân hàng

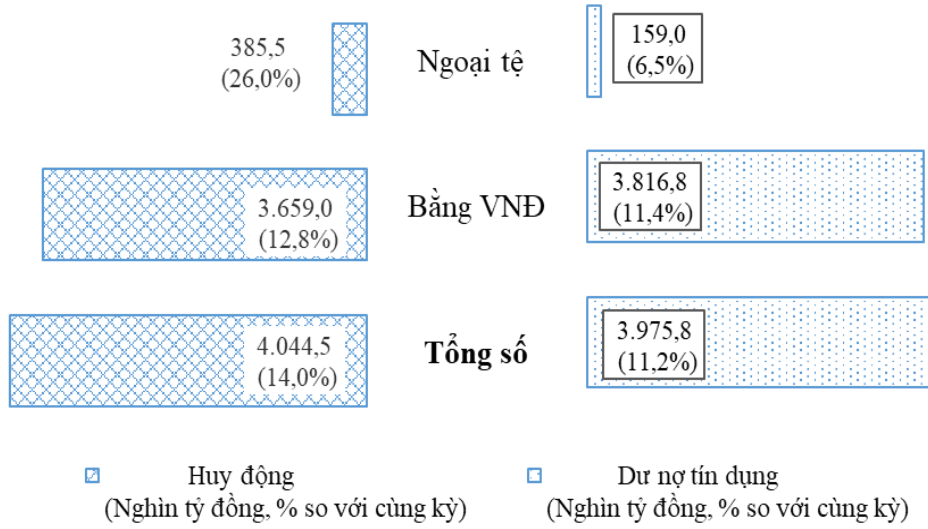
Giá vàng và tỷ giá USD/VND trên địa bàn Thành phố trong tháng 3 năm 2025 tiếp tục tăng, trong đó giá vàng tăng 12,7% so với cuối năm 2024, nhưng lãi suất huy động bằng VND giảm 0,1%-0,4%/năm tùy kỳ hạn và lãi suất cho vay bằng VND đã giảm 0,28%-1,94%/năm tùy kỳ hạn so với tháng trước. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng tăng 14,0% và dư nợ tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến ngày 31/3/2025 ước đạt 4.044,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 14,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VND ước đạt 3.659,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 90,5% tổng vốn huy động, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 385,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,5% tổng vốn huy động, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 26,0% so với cùng kỳ.

Hình 09. Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(Ước tính đến ngày 31/3/2025)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến ngày 31/3/2025 ước đạt 3.975,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

Dư nợ tín dụng bằng VNĐ ước đạt 3.816,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 96,0% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 11,4% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 159 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,0%, tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 6,5% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.871,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,1% tổng dư nợ tín dụng, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 9,8% so với cùng kỳ.

Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 2.104 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,9% tổng dư nợ, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ.

6.3. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 02 năm 2025 tăng 72,9% về khối lượng và tăng 63,8% về giá trị so với tháng trước. Đồng thời, chỉ số VN-Index trong tháng 02 đã vượt mốc 1.300 điểm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index tăng 4,2% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/02/2025, đã có 534 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ

Chí Minh (Hose), trong đó có 340 mã cổ phiếu, 13 mã chứng chỉ quỹ, 189 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 14 mã cổ phiếu, 17 mã chứng quyền nhưng giảm 02 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng có 01 mã cổ phiếu hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 02 năm 2025 có 20 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 14.204,4 triệu chứng khoán và giá trị đạt 317.634,7 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã tăng 72,9% về khối lượng và tăng 63,8% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,4% về khối lượng và chiếm 90,4% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 710,2 triệu chứng khoán với 15.881,7 tỷ đồng được giao dịch, tăng 47,0% về khối lượng và tăng 39,2% về giá trị so với tháng trước.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2025, tổng khối lượng giao dịch đạt 22.417,6 triệu chứng khoán với giá trị đạt 511.577,2 tỷ đồng, giảm 29,8% về khối lượng và giảm 27,0% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 89,4% về khối lượng và chiếm 79,1% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 605,9 triệu chứng khoán với 13.826,4 tỷ đồng được giao dịch, giảm 27,9% về khối lượng và giảm 25,0% về giá trị so với cùng kỳ.

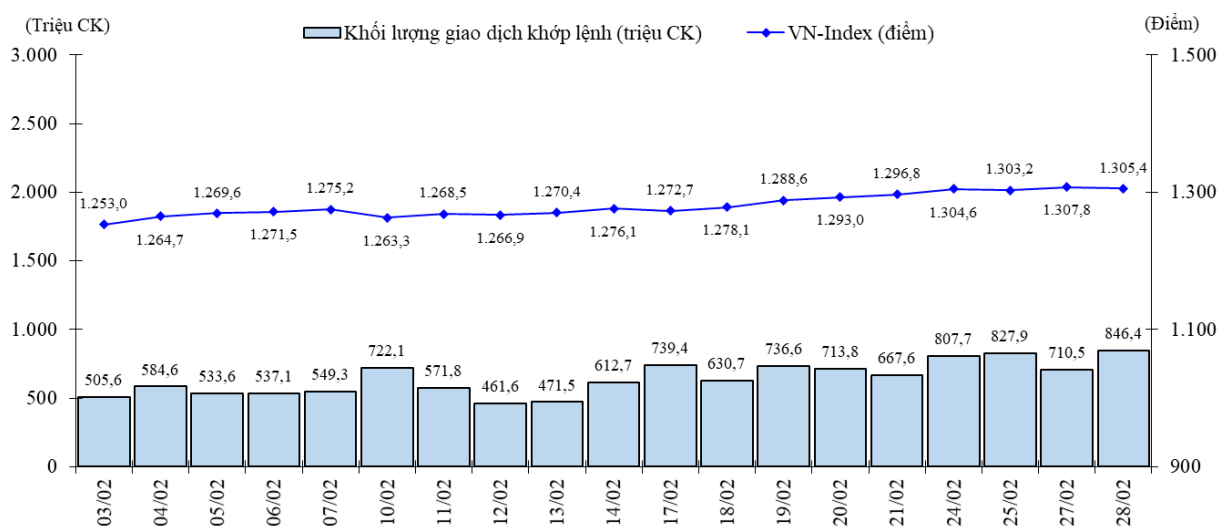
Biểu 02. Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 02/2025	02 tháng/2025	Tháng 02/2025 so với tháng 01/2025	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	14.204,4	22.417,6	172,9	70,2
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	10.581,4	16.624,1	175,1	67,5
- Trái phiếu	2,8	6,0	87,5	90,9
- Chứng chỉ quỹ & ETF	54,9	92,6	145,6	44,8
- Chứng quyền	3.565,3	5.694,9	167,4	80,0
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	12.982,6	20.047,5	183,8	68,3
- Giao dịch thoả thuận	1.221,8	2.370,1	106,4	91,3
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	317.634,7	511.577,2	163,8	73,0
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	252.807,0	404.421,5	166,7	71,8

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 02/2025	02 tháng/2025	Tháng 02/2025 so với tháng 01/2025	So với cùng kỳ
- Trái phiếu	9,1	19,3	89,2	65,2
- Chứng chỉ quỹ & ETF	1.438,4	2.329,9	161,3	49,1
- Chứng quyền	63.380,2	104.806,5	153,0	79,0
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	287.044,3	404.421,5	177,8	63,2
- Giao dịch thoả thuận	30.590,4	448.521,3	94,2	740,7

Chỉ số VN-Index trong tháng 02 năm 2025 có 20 phiên giao dịch được thực hiện thì có 9 phiên VN-Index tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. Trong phiên giao dịch đầu tháng 02, VN-Index đạt 1.253,0 điểm, giảm 1,1% (tương ứng giảm 13,75 điểm) so với phiên trước. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index có xu hướng tăng và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt mức 1.305,4 điểm, tăng 4,2% (tương ứng tăng 52,4 điểm) so với phiên đầu tháng; giá trị vốn hóa thị trường đạt 5.441.002 tỷ đồng, gấp 2,8 lần quy mô GRDP của Thành phố ước năm 2025.

Hình 10. Chứng khoán giao dịch khớp lệnh và giá trị VN-Index tháng 02 năm 2025



Cập nhật phiên giao dịch ngày 17/3/2025, có 534 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh trên sàn Hose, trong đó có 325 mã cổ phiếu, 16 mã chứng chỉ quỹ, 192 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.336,3 điểm, tăng 2,1% (tương ứng tăng 26,89 điểm) so với ngày 31/12/2024 và vốn hóa thị trường đạt 5.575.660 tỷ đồng.

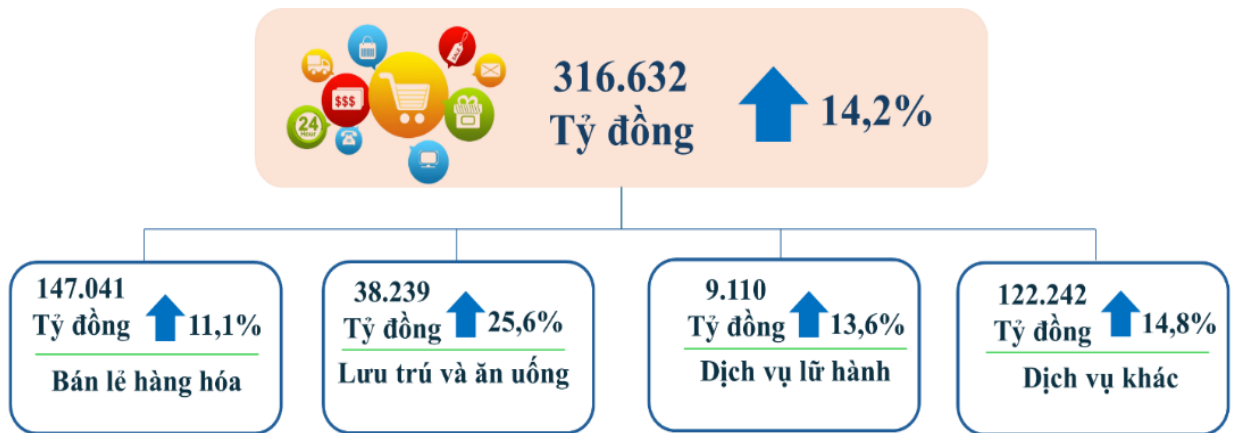
7. Hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải

7.1. Thương mại và dịch vụ

Trong tháng 3, nhiều sự kiện, lễ hội được triển khai hướng tới chào mừng Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025), các đơn vị kinh doanh thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi, ưu đãi kích cầu tiêu dùng. Sức mua trên thị trường trong quý I năm 2025 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc khi tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Ngay từ đầu năm 2025, công tác bình ổn thị trường được triển khai rộng rãi, đảm bảo nguồn cung hàng hóa cho dịp mua sắm tết Nguyên đán. Đồng thời, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đã chủ động trong việc chuyển đổi số, kinh doanh thương mại điện tử và cải tiến dịch vụ vận tải đáp ứng xu thế phát triển của thị trường.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 năm 2025 ước đạt 109.988 tỷ đồng, tăng 10,3% so với tháng trước và tăng 17,5% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 316.632 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ.

Hình 11. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Tình hình bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo nhóm lĩnh vực như sau:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3 năm 2025 ước đạt 50.169 tỷ đồng, chiếm 45,6% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 10% so với tháng trước và tăng 11,4% so với cùng kỳ. Trong đó, một số nhóm mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn có tốc độ tăng so với cùng kỳ như sau: Lương thực, thực phẩm chiếm 29%, tăng 10,9%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 27,2%, tăng 28,5%; hàng may mặc chiếm 5%, tăng 7,1%; ô tô các loại chiếm 5,2%, tăng 15,7%. Ngược lại, một số nhóm mặt hàng có tốc độ giảm so với cùng kỳ như: Gỗ và vật liệu xây dựng giảm 23,5%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con) giảm 11%;

xăng, dầu các loại giảm 20,1%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 11,7%. Tính chung quý I năm 2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 147.041 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Trong đó, các nhóm có tỷ trọng lớn như: Lương thực, thực phẩm chiếm 30,8%, tăng 8,7%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 26,8%, tăng 26,5%; nhóm hàng hóa khác tăng 24,0%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 15,0%...

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 3 năm 2025 ước đạt 13.149 tỷ đồng, chiếm 12% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 15,3% so với tháng trước và tăng 26,8% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lưu trú tăng 25,3% so với tháng trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống tăng 13,7% so với tháng trước và tăng 31,9% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 38.239 tỷ đồng, tăng 25,6% so với cùng kỳ. Trong đó, lưu trú tăng 10,5% và dịch vụ ăn uống tăng 28,3%.

Dịch vụ lữ hành tháng 3 năm 2025 ước đạt 3.692 tỷ đồng, tăng 26,5% so với tháng trước và tăng 17,3% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 9.110 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ. Số lượng du khách đến Thành phố tiếp tục giữ mức tăng trưởng khá tích cực, trong đó, lượng khách quốc tế ước đạt 1,64 triệu lượt, tăng 18,2% so với cùng kỳ và khách du lịch nội địa ước đạt 8,57 triệu lượt, tăng 6,3%.

Doanh thu dịch vụ khác tháng 3 năm 2025 ước đạt 42.978 tỷ đồng, tăng 8,0% so với tháng trước và tăng 22,7% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 122.242 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản chiếm 59,2% trong doanh thu dịch vụ khác, tăng 15,8%; nhóm dịch vụ hành chính và hỗ trợ tăng 10%; nhóm giáo dục và đào tạo tăng 16,5%; nhóm y tế tăng 16,9%.

7.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Hạ tầng giao thông cải thiện đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng vận tải Thành phố. Doanh thu vận tải quý I năm 2025 tăng 18,9% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu vận tải hành khách tăng 67,5%, vận tải hàng hóa tăng 9,5% và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 18,7%.

7.2.1. Sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 3 ước đạt 59.803 nghìn lượt, tăng 8,0% so với tháng trước và tăng 150,2% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 138.076 nghìn lượt, tăng 94,6% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 92,9%, tăng 85,0% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 2,7%, tăng 190,0%.

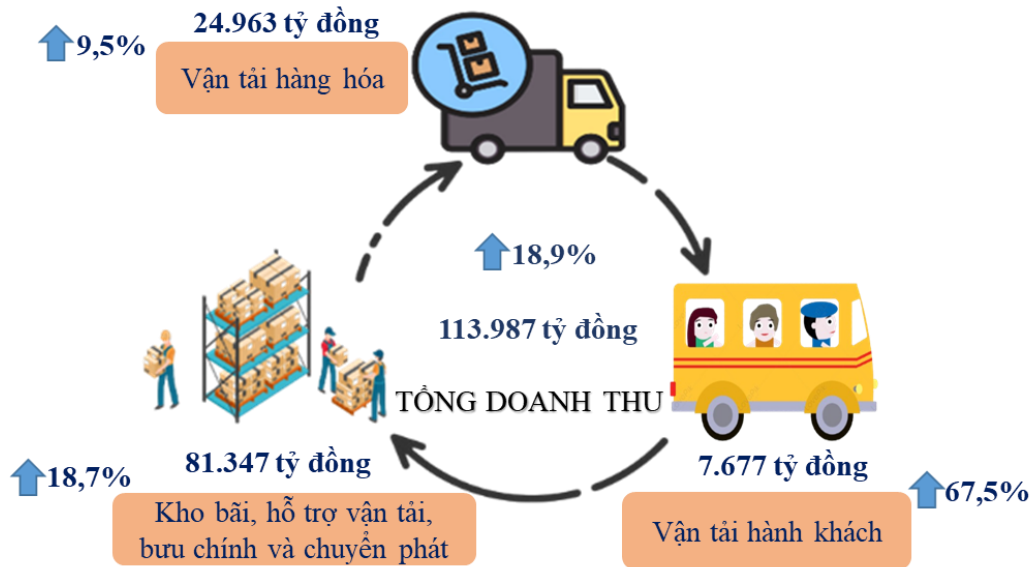
Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 3 ước đạt 44.865 nghìn tấn, tăng 15,5% so với tháng trước và tăng 25,4% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 121.646 nghìn tấn, tăng 19,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 75,9%, tăng 20,7% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 7,7%, tăng 1,4%; vận tải đường biển chiếm 16,4%, tăng 26,9%.

7.2.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 3 ước đạt 42.257 tỷ đồng, tăng 15,9% so với tháng trước và tăng 27,4% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 113.987 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ.

Hình 12. Doanh thu vận tải quý I năm 2025

(Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 3 ước đạt 3.212 tỷ đồng, tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 118,1% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 7.677 tỷ đồng, tăng 67,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 85,1%, tăng 85,7% so với cùng kỳ; đường thủy nội địa chiếm 3,5%, tăng 318,4%.

Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 3 ước đạt 9.096 tỷ đồng, tăng 13,9% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 24.963 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 70,0%, tăng 7,2% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 5,2%, tăng 14,7%; vận tải đường biển chiếm 24,8%, tăng 15,4%.

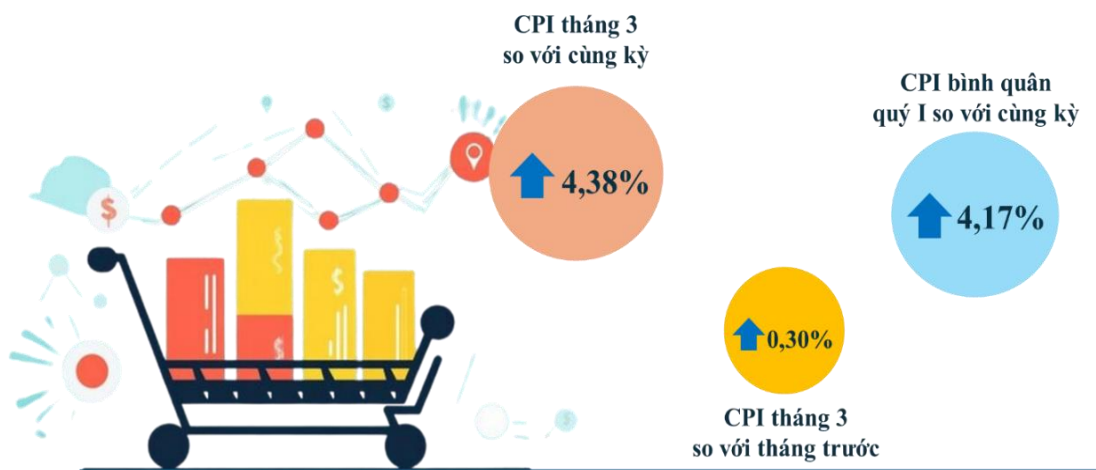
Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 3 ước đạt 29.949 tỷ đồng, tăng 17,8% so với tháng trước và tăng 26,8% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2025 ước đạt 81.347 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 77.980 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ; bưu chính và chuyển phát đạt 3.367 tỷ đồng, giảm 8,7%.

8. Chỉ số giá

8.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Trong tháng 3, tình hình giá cả hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn có xu hướng tăng nhẹ, trong đó giá nhà ở thuê và giá thịt lợn tiếp tục tăng cao là một trong những nguyên nhân góp phần làm chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,30% so với tháng trước, tăng 4,38% so với cùng kỳ và bình quân quý I năm 2025 tăng 4,17%.

Hình 13. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 và quý I năm 2025



So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 năm 2025 có 07/11 nhóm có chỉ số giá tăng, tăng cao nhất là nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,98%); ngược lại, có 04/11 nhóm có chỉ số giá giảm với mức giảm nhiều nhất là nhóm giao thông (-1,42%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm hàng trong tháng 3 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,43%, tác động đến CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm, trong đó lương thực giảm 0,30%, thực phẩm tăng 0,55%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,40%. Trong đó, giá thịt lợn tăng 7,63% do ảnh hưởng từ nguồn cung, thịt gà tăng nhẹ 0,91%, trứng các loại giảm 1,5%, thủy sản tươi sống giảm 1%, rau tươi, khô và chế biến giảm 2,88%.

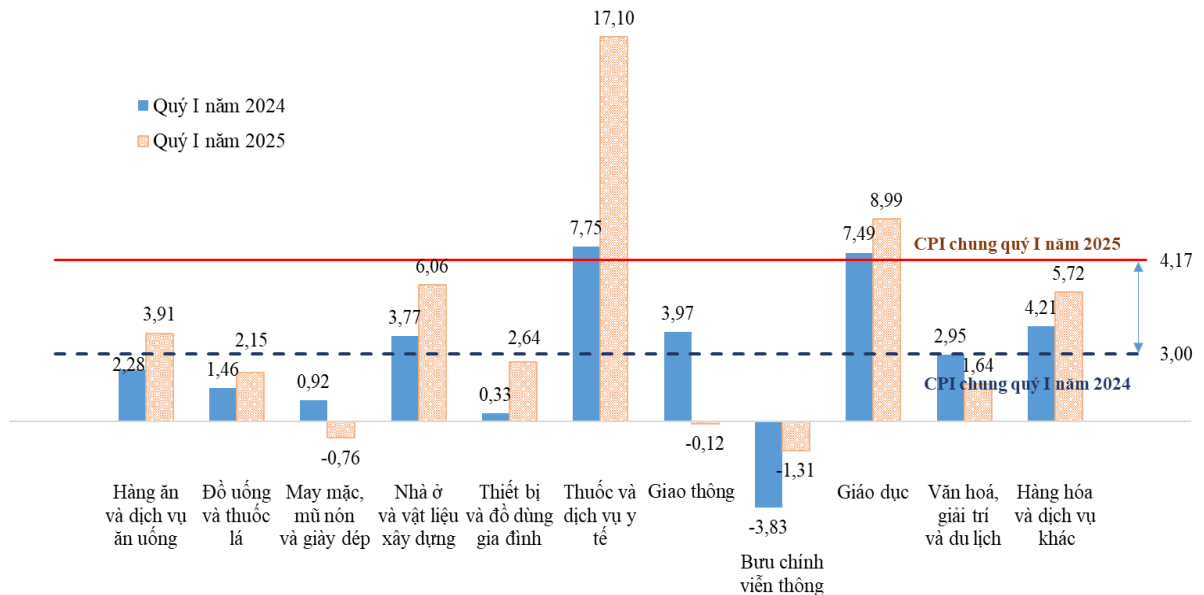
Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,98%, tác động đến CPI chung tăng 0,23 điểm phần trăm, trong đó giá nhà ở thuê tăng 1,44% do chủ nhà điều chỉnh giá thuê, nước sinh hoạt và dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,53%.

Nhóm giao thông giảm 1,42%, trong đó nhóm dịch vụ giao thông công cộng giảm 2,31% do một số đơn vị điều chỉnh giá cước sau dịp tết Nguyên đán, phương tiện đi lại giảm 0,04%, nhiên liệu giảm 3,04% với giá xăng giảm 3,57%.

Bưu chính viễn thông tăng 0,81%, chủ yếu do nhóm thiết bị điện thoại tăng 1,93% do các đơn vị kết thúc chương trình khuyến mãi.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I năm 2025 tăng 4,17%, trong đó, 08/11 nhóm có chỉ số giá tăng, mức tăng cao nhất là thuốc và dịch vụ y tế (+17,10%) do giá dịch vụ y tế điều chỉnh theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kể đến là nhóm giáo dục (+8,99%); 03/11 nhóm có chỉ số giá giảm với mức giảm cao là nhóm bưu chính viễn thông (-1,31%).

Hình 14. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I so với cùng kỳ (%)



Chỉ số giá vàng tháng 3 năm 2025 tăng 3,74% so với tháng trước, tăng 16,47% so với cùng kỳ và bình quân quý I năm 2025 tăng 15,15% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3 năm 2025 tăng 0,67% so với tháng trước, tăng 3,50% so với cùng kỳ và bình quân quý I năm 2025 tăng 3,70% so với cùng kỳ.

8.2. Chỉ số giá sản xuất

Quý I năm 2025 là quý có chu kỳ tết Nguyên đán, đồng thời giá nguyên vật liệu nhập khẩu tăng do ảnh hưởng chi phí logistics đã làm cho giá sản xuất quý I có xu hướng tăng so với quý trước và so với cùng kỳ.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2025 ước tăng 0,24% so với quý trước và tăng 1,39% so với cùng kỳ. Trong đó: Giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng có mức tăng cao nhất 1,46% so với quý trước và tăng 4,08% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp tăng 0,55% so với quý trước và tăng 2,09% so với cùng kỳ; trong khi đó, giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ lâm nghiệp cơ bản giữ nguyên.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý I năm 2025 ước tăng 1,32% so với quý trước và tăng 4,80% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng. Cụ thể: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,35% so với quý trước và tăng 4,90% so với cùng kỳ; sản xuất điện và phân phối điện tăng 0,94% so với quý trước và tăng 3,80% so với cùng kỳ; nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,67% so với quý trước và tăng 3,53% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý I năm 2025 ước tăng 5,96% so với quý trước và tăng 10,26% so với cùng kỳ, trong đó, chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng mạnh với mức tăng 20,49% so với quý trước và tăng 20,49% so với cùng kỳ. Tiếp theo, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 10,95% so với quý trước và tăng 21,88% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,94% so với quý trước và tăng 4,31% so với cùng kỳ; thông tin và truyền thông tăng 0,71% so với quý trước và giảm 0,01% so với cùng kỳ; giáo dục và đào tạo giảm 0,04% so với quý trước và tăng 9,46% so với cùng kỳ; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 0,05% so với quý trước và tăng 0,57% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế (Từ ngày 01/01/2025 - 15/3/2025)

Tình hình dịch bệnh: Số ca mắc bệnh Sốt xuất huyết là 4.661 ca, tăng 126,6% so với cùng kỳ; bệnh Tay Chân Miệng là 1.440 ca, giảm 3,0%; dịch bệnh COVID-19 là 07 ca; bệnh Sởi là 3.487 ca, trong đó có 01 ca tử vong.

Công tác khám chữa bệnh: Đã thực hiện 07 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đột xuất tại các cơ sở khám, chữa bệnh, kinh doanh dược, thiết bị y tế theo các kênh thông tin phản ánh.

Thành phố tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến cho người dân không tự ý điều trị và sử dụng thuốc cúm A khi không có chỉ định của bác sĩ. Đồng thời tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về mua, bán

thuốc và quản lý giá thuốc tại cơ sở bán lẻ trong khuôn viên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong quý I năm 2025, không xảy ra ngộ độc thực phẩm trong suốt thời gian diễn ra các lễ hội, sự kiện trên địa bàn Thành phố. Đồng thời đã kiểm tra 2.087 cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm; ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 15 cơ sở vi phạm với số tiền gần 0,2 tỷ đồng.

2. Hoạt động giáo dục

Trong quý I năm 2025, Thành phố đã tổ chức kỳ tổ chức Hội thảo "Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cấp trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018"; sơ kết triển khai thực hiện Lớp học số; tổ chức Bồi dưỡng các học sinh tham dự Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic năm 2025; tổ chức khảo sát chất lượng học sinh lớp 3, 7, 8, 9, 11 nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên, học sinh trong và ngoài công lập.

Thành phố đã tổ chức hội nghị sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ học kỳ II năm học 2024 - 2025. Tổ chức các hội thi: Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9, lớp 12 cấp Thành phố năm học 2024-2025; Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố năm học 2024-2025 đối với Giáo dục Thường xuyên Chủ đề: "Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp"; Hội thi Hùng biện tiếng Nhật; "Văn hay Chữ tốt" lần thứ 25; "Khéo tay Kỹ thuật" lần XII; tổ chức chọn học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay lớp 9, lớp 12 cấp Thành phố; kỳ thi Học viên giỏi giải Toán trên máy tính cầm tay Giáo dục Thường xuyên cấp Thành phố; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp Quốc gia với 62/63 Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia; tổ chức vòng chung kết Hội thi "Sáng tác ảnh Tuổi xanh" lần XVIII; tổ chức Hội trại truyền thống Học sinh - Sinh viên 09/01 năm 2025 và khen thưởng "Học sinh tiêu biểu học tập và làm theo lời Bác" và chung kết Cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" cấp Thành phố năm học 2024 - 2025.

Hội đồng nhân dân Thành phố chính thức thông qua Nghị quyết về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non dưới 5 tuổi, học sinh Trung học phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên Trung học phổ thông từ năm học 2025-2026.

3. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

Về văn hóa - nghệ thuật: Các hoạt động văn hóa, lễ hội và sự kiện đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân và thúc đẩy du lịch Thành phố

với nhiều chương trình đặc sắc như: Chương trình Countdown đón năm mới 2025; trang trí ánh sáng nghệ thuật trên các tuyến đường trung tâm; lễ kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025) và 236 năm Chiến thắng Đống Đa (1789 - 2025) với chủ đề “Việt Nam khát vọng hùng cường”; lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 11 năm 2025 với chủ đề “Áo dài Việt Nam – Vươn cao Việt Nam” nhân dịp Kỷ niệm 115 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ (08/3) và 1985 năm cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng; lễ hội thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 5 năm 2025 (Youth Fest 2025) với chủ đề “Thế hệ mới - Thích ứng - Kết nối và chia sẻ”; lễ kỷ niệm 75 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam với Trung Quốc (18/01/1950 - 18/01/2025), Việt Nam - Liên Bang Nga (30/01/1950-30/01/2025) và Việt Nam - Hungary (03/02/1950 - 03/02/2025).

Về hoạt động thể thao: Trong quý I năm 2025, Thành phố đã tổ chức giải Marathon lần thứ 12-2025 với thông điệp “The People’s Victory - Tự hào sải bước” thu hút hơn 11.000 vận động viên trong nước và quốc tế tham gia; giải Xe đạp và Roller sports phong trào "Mừng Xuân – Mừng Đảng năm 2025" nhân dịp Tết Ất Ty và kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930 - 03/2/2025); giải chạy đêm VPBank VnExpress Marathon Ho Chi Minh Midnight 2025 thu hút hơn 10.000 vận động viên trong nước và quốc tế tham gia; ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2025 với gần 5.000 người tham dự nhân dịp kỷ niệm 79 năm Ngày truyền thống Ngành thể dục thể thao (27-3) và kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (26-3).

Thể thao thành tích cao: Thành phố đẩy mạnh chiến lược phát triển thể thao thành động lực phát triển kinh tế xã hội và du lịch. Trong quý I năm 2025, Thành phố đã tổ chức 17 giải cấp Thành phố, 07 giải đấu quốc gia và quốc tế; tham dự 25 giải đấu quốc gia và quốc tế.

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 15/12/2024 - 14/3/2025)⁶

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Xảy ra 252 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 44,6% so với cùng kỳ; làm chết 100 người, giảm 19,3%; bị thương 132 người, giảm 57,0%; xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 01 người.

Về tình hình cháy nổ: Xảy ra 79 vụ cháy, giảm 30,7% so với cùng kỳ và làm chết 05 người, bị thương 11 người, thiệt hại 0,7 tỷ đồng. Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

⁶ Nguồn Công An Thành phố.

Vi phạm kinh tế: Đã phát hiện và xử lý 433 vụ, 120 tổ chức, 345 cá nhân vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu. Đã khởi tố 140 vụ, 261 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 318 vụ, 231 cá nhân, 107 tổ chức với tổng số tiền phạt hơn 6,7 tỷ đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, trong đó phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Phát hiện, xử lý 935 vụ với 2.841 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 850 vụ, 2.176 bị can, xử lý hành chính 43 vụ, 548 đối tượng, thu giữ 7,50 kg Heroin; 2,98 kg Cocain; 221,39 kg Cần sa; 146,29 kg ma túy tổng hợp; 9,16 kg ma túy khác; 589,5 ml dung dịch có chứa ma túy; 6,58 kg chất chưa xác định; 03 khẩu súng, 59 viên đạn cùng nhiều công cụ, phương tiện khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Ghi nhận xảy ra 2.021 vụ phạm tội về trật tự xã hội, tăng 15,8% so với cùng kỳ; làm chết 25 người, bị thương 271 người, tài sản thiệt hại khoảng 667 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 842/2.021 vụ (đạt 41,7%) và bắt 1.318 đối tượng.

Tình hình về môi trường: Thành phố đã kiểm tra về bảo vệ môi trường, tài nguyên và an toàn thực phẩm đối với 408 trường hợp, ban hành 245 quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu về ngân sách gần 5,5 tỷ đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là xả nước thải, chất thải, khí thải nguy hại ra môi trường; sử dụng nguyên liệu, phụ gia thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng để sản xuất thực phẩm và sử dụng nước ngầm không giấy phép.

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 3 năm 2025, các thành phần kinh tế đã tạo việc làm cho 26.035 lượt lao động, nâng tổng số việc làm trong quý I năm 2025 lên 81.814 lượt, đạt 27,1% kế hoạch năm. Đồng thời, có 11.716 vị trí việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới lên 36.970 vị trí, đạt 26,4% kế hoạch năm.

Trong quý I năm 2025 có 2.363 lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài, trong đó chủ yếu ở Nhật Bản, Đài Loan và tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp (Từ ngày 01/01/2025 - 28/02/2025): Đã tiếp nhận 12.954 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp

thất nghiệp và đã ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 12.154 lao động đủ điều kiện.

6. An sinh xã hội

Công tác giảm nghèo bền vững: Tính đến tháng 3 năm 2025, Thành phố còn 16.264 hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm 0,61% số hộ dân Thành phố. Trong đó, có 1.055 hộ nghèo, chiếm 0,04% và 15.209 hộ cận nghèo, chiếm 0,57%.

Thành phố đã cấp 59.721 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với tổng kinh phí gần 75,5 tỷ đồng; chăm lo tết Nguyên đán Ất Tỵ cho 42.486 lượt hộ với tổng số tiền gần 50 tỷ đồng; tặng quà và chi hỗ trợ cho 8.157 hộ nghèo với số tiền là 14,6 tỷ đồng; tặng quà và chi hỗ trợ cho 34.329 lượt hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo với số tiền là 34,4 tỷ đồng.

Bảo trợ xã hội: Trên địa bàn Thành phố có 16 trung tâm bảo trợ xã hội công lập tiếp nhận và chăm sóc 6.786 người, trong đó: Có 1.966 người cao tuổi, 4.270 người khuyết tật đặc biệt nặng, 1.039 trẻ em dưới 16 tuổi. Ngoài ra, Thành phố có 66 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập tiếp nhận quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng 2.941 trường hợp, trong đó: 1.204 người cao tuổi; 194 người khuyết tật; 1.564 trẻ em và 171 người thuộc đối tượng khác.

Thành phố đã chi trả trợ cấp xã hội cho 140.247 người, với tổng kinh phí hơn 122,3 tỷ đồng/tháng; trợ cấp xã hội đột xuất với tổng kinh phí 164,4 tỷ đồng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Tiếp nhận ban đầu 310 trường hợp trẻ em, người lang thang xin ăn và đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo Quyết định số 812/QĐ-UBND.

Tính đến 15/3/2025, Thành phố thực hiện cấp mã định danh và căn cước công dân cho diện nhân khẩu đặc biệt tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập đạt 5.502 đối tượng, đạt 80,5% và tại các cơ sở trợ giúp ngoài công lập đạt 1.579 đối tượng, đạt 96,7%.

Thực hiện chính sách với người có công: Nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025). Thành phố đã hỗ trợ chi quà tặng đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố; thực hiện quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng, hội nghị, tham quan, về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Trong quý I năm 2025, Thành phố có 34.497 lượt người có công với cách mạng và thân nhân được hưởng trợ cấp hàng tháng với tổng kinh phí chi trả hơn 98,8 tỷ đồng/tháng.

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết chế độ đối với thân nhân người có công với cách mạng cho 436 trường hợp, tiếp nhận 137 hồ sơ của người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ từ tỉnh (thành phố) khác chuyển đến. Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ cho 10 trường hợp; thực hiện tiếp 209 cuộc tiếp công dân và đơn (thư) giải đáp chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân. Hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân theo Kế hoạch số 3818/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của UBND Thành phố với tổng số nhu cầu cần cải tạo, sửa chữa là 346 căn, trong đó, đã hoàn thành: 335/346 căn nhà với tổng số tiền hơn 18 tỷ đồng đạt tỷ lệ 96,5%, còn lại 11 căn (sửa chữa) đang tiếp tục thực hiện; cấp lại 103 Bằng “Tổ quốc ghi công” và trao tận tay cho các gia đình liệt sĩ; lập hồ sơ 292 trường hợp gửi Cục Người có công; phục dựng 160 di ảnh Bà mẹ Việt Nam anh hùng, liệt sĩ.

Khái quát lại, mặc dù còn đối mặt với nhiều thách thức, kinh tế Thành phố tiếp tục giữ mức tăng trưởng tích cực, chính quyền đã triển khai quyết liệt các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả khu vực công. Một số điểm sáng về tình hình kinh tế trong quý I năm 2025:

Tăng trưởng kinh tế Thành phố quý I năm 2025 tăng 7,51% so với cùng kỳ, trong đó, khu vực dịch vụ vẫn là động lực tăng trưởng chính của kinh tế Thành phố với mức tăng 8,72%, đóng góp 74,7% vào mức tăng GRDP.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,8% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm gần đây; chỉ số tiêu thụ tăng 11,2% và chỉ số lao động tăng 2,2%.

Thương mại tiếp tục tăng trưởng ổn định với mức tăng 14,2%, nhiều chương trình, sự kiện được triển khai để kích cầu tiêu dùng. Dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, trong đó lưu trú tăng 10,5%, ăn uống tăng 28,3%. Trong quý I năm 2024, Thành phố đón hơn 1,64 triệu lượt khách quốc tế tăng 18,2%.

Hoạt động vận tải tăng trưởng tích cực và hỗ trợ kinh tế Thành phố, doanh thu tăng 18,9% so với cùng kỳ.

Hoạt động bất động sản chứng kiến sự phục hồi nhanh, với doanh thu tăng 15,8% so với cùng kỳ. Các chính sách hỗ trợ pháp lý, gói tín dụng cho nhà ở xã hội và điều chỉnh quy hoạch đô thị giúp thị trường bất động sản dần phục hồi.

Tín dụng tăng trưởng tích cực, tổng vốn huy động tăng 14% và dư nợ tín dụng tăng 11,2%, qua đó phản ánh dòng vốn đi vào sản xuất có xu hướng tăng.

Kinh tế Thành phố trong quý I đã đạt được những tín hiệu khả quan, tạo tiền đề để thúc đẩy tăng trưởng cho các tháng tiếp theo trong năm 2025. Để tăng trưởng đạt mức cao nhất thì Thành phố cần khởi động nhanh, mạnh các giải pháp để tạo lực đẩy cho các lĩnh vực đang trên đà phục hồi và các động lực tăng trưởng mới.

Một số giải pháp trọng tâm như sau:

Một là, Thành phố phải nhanh chóng thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo chủ trương của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; nhanh chóng ổn định tổ chức để tập trung tâm lực, trí lực khơi thông nguồn lực phát triển Thành phố, không để công việc chậm trễ, ảnh hưởng đến người dân và doanh nghiệp.

Hai là, tăng cường triển khai có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy đầu tư công, tạo bức phá, tháo gỡ các điểm nghẽn của các dự án trọng điểm. Tiếp tục công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ hoàn thành dự án, xây dựng cơ chế giám sát, khen thưởng và xử phạt.

Ba là, cần tập trung nguồn lực hỗ trợ các ngành công nghiệp có du địa tăng trưởng tốt như điện tử, linh kiện bán dẫn, công nghiệp chế biến thực phẩm, xuất khẩu nông sản, ngành hóa chất, công nghiệp dược phẩm, thiết bị y tế.

Bốn là, thúc đẩy giao dịch thương mại điện tử, tháo gỡ nhanh điểm nghẽn hạ tầng logistics để giảm giá thành vận chuyển. Tiếp tục triển khai Chương trình kích cầu tiêu dùng năm 2025 với quy mô lớn ngay từ đầu quý II, quảng bá rộng rãi trên kênh truyền thông. Tiếp tục kiến nghị nâng mức thu nhập chịu thuế thu nhập, giảm thuế suất thuế thu nhập cá nhân. Đề xuất gia hạn mức thuế VAT 8% đến hết năm 2025. Xây dựng các phương thức hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế, đa dạng hóa thị trường và sản phẩm xuất khẩu.

Năm là, tháo gỡ các điểm nghẽn để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi. Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới, khởi nghiệp nhất là doanh nghiệp công nghệ. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm giải quyết những khó khăn về pháp lý và thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Sáu là, huy động nguồn lao động rời khỏi khu vực Nhà nước trở thành động lực phát triển cho khu vực tư nhân. Tổ chức kết nối việc làm, khuyến khích các doanh nghiệp SMEs, huy động doanh nghiệp Nhà nước Thành phố tham gia tuyển dụng và tạo quỹ hỗ trợ cho người lao động.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh quý I năm 2025.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng